

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUYỀN MỘC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2023/DS-ST
Ngày: 24/11/2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Khanh.
2. Bà Phùng Thị Khánh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng – Thư ký tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trần Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2023/TLST – DS ngày 11 tháng 7 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2023/QĐXXST – DS ngày 20 tháng 10 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2023/QĐST – DS ngày 08 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ trụ sở chính: 266 – 268 đường N, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ Tổng Giám đốc.

Ủy quyền cho: Ông Lã Quý Đ – Chức vụ: Phó Giám đốc Chi Nhánh BRVT Kiêm trưởng PGD Xuyên Mộc Ngân hàng TMCP S – C – PGD Xuyên Mộc.

Địa chỉ: Số B, Quốc lộ E, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Theo văn bản ủy quyền số 3272/2022/QĐ – PL ngày 26/12/2022 của Ngân hàng thương mại cổ phần S.

Ông Lã Q Đăng ủy quyền cho: Ông Nguyễn D1 – Chức vụ: Phó phòng giao

dịch – Ngân hàng TMCP S (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Theo văn bản ủy quyền số 08/2023/GUQ – CNBRVT ngày 07/8/2023 của Ngân hàng S chi nhánh B.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 1, quốc lộ E, khu phố T, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S, do người đại diện theo ủy quyền, trình bày:

Ngày 10/3/2021, bà Nguyễn Thị Thu H có ký với Ngân hàng TMCP S (Viết tắt Ngân hàng S1) giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng của Ngân hàng với hạn mức là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Cụ thể như sau:

Ngày ký hợp đồng: 10/3/2021.

Loại thẻ: VS pay W.

Số thẻ: 472074 –3819.

Hạn mức thẻ: 50.000.000đ.

Lãi suất thẻ: 2,77%/tháng (33,2%/năm).

Mục đích sử dụng thẻ tín dụng là vay tiêu dùng cá nhân.

Doanh số giao dịch thanh toán thẻ là 183.433.880đ (giao dịch từ ngày 10/6/2021 đến 10/12/2022); bà H đã thanh toán tiền gốc, lãi + phí cho Ngân hàng số tiền 138.868.149đ đến ngày 10/12/2022. Từ sau ngày 10/12/2022 đến nay thì bà H không thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi suất nào. Quá trình vay tiền bà H không thế chấp tài sản gì.

Về thứ tự thanh toán ưu tiên theo “Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S” có hiệu lực từ ngày 22/10/2022 được công khai trên website: <http://S1acombank.com.vn> cụ thể như sau:

- 1) Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước;
- 2) Giao dịch rút tiền mặt/ tương đương rút tiền mặt của kỳ trước;
- 3) Giao dịch mua hàng hóa/ thanh toán thẻ trực tuyến của kỳ trước;
- 4) Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ;
- 5) Giao dịch rút tiền mặt/ tương đương rút tiền mặt trong kỳ;
- 6) Giao dịch mua bán hàng hóa/ thanh toán thẻ trực tuyến trong kỳ;

Toàn bộ dư nợ vay của bà Nguyễn Thị Thu H đã chuyển sang nợ quá hạn nhóm 3 từ ngày 11/4/2023 (tất cả gốc, phí, lãi và lãi phạt đã chuyển thành nợ gốc, áp dụng lãi suất 0,1383%/ngày) và chuyển sang nợ nhóm 4, từ ngày 10/7/2023. **Tính đến hết ngày 24/11/2023** bà Nguyễn Thị Thu H đã nợ quá kỳ hạn thanh toán là 318 ngày.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần cố gắng liên lạc yêu

cầu bà Nguyễn Thị Thu H thanh toán ngay khoản nợ quá hạn. Đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên bà H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng đã ký.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án: Buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/11/2023 là 83.543.616đ (Tám mươi ba triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm mười sáu đồng). Trong đó:

Nợ gốc: 63.515.640đ

Lãi quá hạn: 20.027.976đ.

Và có nghĩa vụ thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày 24/11/2023 cho đến khi bà Nguyễn Thị Thu Hà tất t nghĩa vụ thanh toán theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 10/3/2021 đã ký với Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị xét xử vụ án theo luật định.

Về nội dung, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng TMCP S khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu H về hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên, nên Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 10/3/2021 thể hiện địa chỉ của bà Nguyễn Thị Thu H: 182/6, Quốc lộ E, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết, tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án nhưng bà H vẫn không đến tòa. Theo điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án quy định: “Trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú được ghi trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới thì được xem là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục

chung”. Vì vậy, trường hợp này được xem là bà H cố tình giấu địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng được xác định tại 182/6, Quốc lộ E, khu phố T, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc vắng mặt của đương sự: Trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng:

Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 10/3/2021 giữa Ngân hàng TMCP S và bà Nguyễn Thị Thu H thể hiện bà H đã mở thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 50.000.000đ. Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà H đã thực hiện giao dịch số tiền 183.433.880đ (giao dịch từ ngày 10/6/2021 đến 10/12/2022). Mục đích vay tiêu dùng cá nhân, hình thức mở thẻ tín dụng không có tài sản đảm bảo. Lãi suất là 2,77%/tháng (lãi suất trong hạn). Qua đó, hợp đồng đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Quá trình sử dụng thẻ tính đến ngày 10/12/2022 bà H đã thanh toán tiền gốc, lãi + phí cho Ngân hàng số tiền 138.868.149đ. Từ sau ngày 10/12/2022 đến nay thì bà H không thanh toán theo thỏa thuận, mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà H trả nợ nhiều lần. Vì vậy, bà H đã vi phạm nghĩa vụ hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H trả tổng cộng số nợ gốc, lãi tạm tính đến hết ngày 24/11/2023 là 83.543.616đ (Tám mươi ba triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm mười sáu đồng). (Trong đó: Nợ gốc: 63.515.640đ. Lãi quá hạn: 20.027.976đ) là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2] Xét về yêu cầu trả lãi phát sinh:

Căn cứ theo các văn bản quy định về lãi suất, đối chiếu với các điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng S1, đối chiếu với các điều khoản của giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 10/3/2021 giữa Ngân hàng S1 và bà Nguyễn Thị Thu H thì lãi suất khoản vay của bà H từ ngày được phát hành thẻ tín dụng được áp dụng mức lãi suất là 2,77%/01 tháng, quá trình sử dụng thẻ có điều chỉnh lãi suất theo đúng quy định của Ngân hàng. Từ ngày 10/12/2022 cho đến nay do bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên khoản nợ đã chuyển thành nợ quá hạn và được áp dụng mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Đối chiếu với bản sao kê, các quyết định về việc lãi suất cho vay qua thẻ tín

dụng áp dụng cho khách hàng cá nhân qua từng thời kỳ Ngân hàng S1 cung cấp thì lãi suất được áp dụng là phù hợp với các quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất của Ngân hàng S1.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi nên khoản nợ chuyển thành nợ quá hạn. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi quá hạn tính đến hết ngày 24/11/2023 là 20.027.976đ. Yêu cầu buộc bị đơn thanh toán khoản tiền lãi trên của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải thanh toán trả cho Ngân hàng S1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 10/3/2021 tạm tính đến hết ngày 24/11/2023 là 83.543.616đ (Tám mươi ba triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm mười sáu đồng). (Trong đó: Nợ gốc: 63.515.640đ. Lãi quá hạn: 20.027.976đ). Bà Nguyễn Thị Thu H còn phải tiếp tục chịu toàn bộ tiền lãi, phí phát sinh sau ngày 24/11/2023 cho đến khi bà Nguyễn Thị Thu H hoàn tất nghĩa vụ thanh toán theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 10/3/2021 đã ký với Ngân hàng S1 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 91, 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với bà Nguyễn Thị Thu H về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S, tổng số tiền tính đến ngày 24/11/2023 là 83.543.616đ (Tám mươi ba triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm mười sáu đồng). (Trong đó: Nợ gốc: 63.515.640đ. Lãi quá hạn: 20.027.976đ).

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (25/11/2023) cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị Thu H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của

số tiền nợ còn phải thi hành, theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 4.177.000đ (Bốn triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 1.587.000đ (Một triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005260 ngày 11/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thảo